

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *621*/UBND-NN

Yên Thế, ngày 09 tháng 7 năm 2018

V/v Xây dựng dự toán 2019 kinh phí
hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ
công ích thủy lợi.

Kính gửi: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi; Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 62/2018/NĐ-CP ngày 02/5/2018 của Chính phủ quy định về hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Thực hiện Công văn số 1165/STC-TCDN ngày 05/7/2018 của Sở Tài chính về việc Xây dựng dự toán 2019 kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi,

Để có cơ sở xây dựng dự toán hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019 trên địa bàn huyện sát với thực tế. Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chỉ đạo cán bộ chuyên môn căn cứ vào hồ sơ quyết toán diện tích miễn TLP năm 2017; dự toán diện tích miễn TLP năm 2018 đối chiếu với thực tế tại địa phương để xây dựng dự toán hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019 trên địa bàn.

(Theo biểu mẫu đính kèm)

Kết quả tổng hợp của các xã, thị trấn gửi về UBND huyện (qua Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện) bằng hai hình thức bản giấy và bản điện tử (Bản giấy yêu cầu có xác nhận của UBND xã); bản mềm Excel gửi về địa chỉ Email: pnn_yenthe@bacgiang.gov.vn trước ngày 12/7/2018 để tổng gửi Sở Tài chính. Nếu quá thời hạn trên đơn vị nào không nộp hồ sơ, đơn vị đó chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện.

Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Như trên;

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;

- Phòng Nông nghiệp và PTNT;

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Thần Minh Sâm

**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
THỦY LỢI PHÍ NĂM 2019**

(Kèm theo Công văn số: 621/UBND-NN ngày 09/7/2018 của Chủ tịch UBND huyện Yên Thế)

STT	Chỉ tiêu	Mức thu theo quy định	Ước thực hiện năm 2018		Dự toán 2019	
			Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)	Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)
1	2	3	4	5	6	7
1	Tổng diện tích			-		-
I	Vụ chiêm			-		
1	Tưới tiêu động lực			-		
a	<i>Diện tích lúa</i>			-		
a1	Diện tích tưới tiêu					
	Chủ động	1,811,000		-		
	Chủ động một phần	1,086,600		-		
	Tạo nguồn	905,500		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	1,086,600		-		
a2	Diện tích tiêu					
	Chủ động (30% kinh phí)					
b	<i>Diện tích màu, mạ, cây CN ...</i>			-		
	Chủ động	724,400		-		
	Chủ động một phần	434,640		-		
	Tạo nguồn	362,200		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	434,640		-		
2	Tưới tiêu trọng lực			-		
a	<i>Diện tích lúa</i>			-		
	Chủ động	1,267,000		-		
	Chủ động một phần	760,200		-		
	Tạo nguồn	506,800		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	608,160		-		
b	<i>Diện tích màu, mạ, cây CN ...</i>			-		
	Chủ động	506,800		-		
	Chủ động một phần	304,080		-		
	Tạo nguồn	202,720		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	243,264		-		
3	Tưới tiêu trọng lực K/hợp động lực	-		-		
a	<i>Diện tích lúa</i>	-		-		
	Chủ động	1,539,000		-		
	Chủ động một phần	923,400		-		
	Tạo nguồn	769,500		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	923,400		-		
b	<i>Diện tích màu, mạ, cây CN ...</i>			-		



STT	Chỉ tiêu	Mức thu theo quy định	Ước thực hiện năm 2018		Dự toán 2019	
			Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)	Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)
	Chủ động	615,600		-		
	Chủ động một phần	369,360		-		
	Tạo nguồn	307,800		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	369,360		-		
II	Vụ mùa			-		
1	Tươi tiêu động lực			-		
a	Diện tích lúa			-		
a1	Diện tích tươi tiêu					
	Chủ động	1,811,000		-		
	Chủ động một phần	1,086,600		-		
	Tạo nguồn	905,500		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	1,086,600		-		
a2	Diện tích tiêu					
	Chủ động (30% kinh phí)					
b	Diện tích màu, mạ, cây CN ...			-		
	Chủ động	506,800		-		
	Chủ động một phần	304,080		-		
	Tạo nguồn	202,720		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	243,264		-		
2	Tươi tiêu trọng lực			-		
a	Diện tích lúa			-		
	Chủ động	1,267,000		-		
	Chủ động một phần	760,200		-		
	Tạo nguồn	506,800		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	608,160		-		
b	Diện tích màu, mạ, cây CN ...			-		
	Chủ động	506,800		-		
	Chủ động một phần	304,080		-		
	Tạo nguồn	202,720		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	243,264		-		
3	Tươi tiêu trọng lực K/hợp động lực			-		
a	Diện tích lúa			-		
	Chủ động	1,539,000		-		
	Chủ động một phần	923,400		-		
	Tạo nguồn	769,500		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	923,400		-		
b	Diện tích mạ màu cây CN ...			-		

STT	Chỉ tiêu	Mức thu theo quy định	Ước thực hiện năm 2018		Dự toán 2019	
			Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)	Diện tích (ha)	Kinh phí (đồng)
	Chủ động	615,600		-		
	Chủ động một phần	369,360		-		
	Tạo nguồn	307,800		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	369,360		-		
III	Cây vụ đông			-		
a	Động lực			-		
	Chủ động	724,400		-		
	Chủ động một phần	434,640		-		
	Tạo nguồn	362,200		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	434,640		-		
b	Trọng lực			-		
	Chủ động	506,800		-		
	Chủ động một phần	304,080		-		
	Tạo nguồn	202,720		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	243,264		-		
c	Trọng lực kết hợp động lực			-		
	Chủ động	615,600		-		
	Chủ động một phần	369,360		-		
	Tạo nguồn	307,800		-		
	Tạo nguồn từ bậc 2 trở lên	369,360		-		
IV	Cấp nước nuôi trồng thủy sản theo m2			-		
1	Động lực (250đ/m2)	2,500,000		-		
2	Trọng lực			-		
V	Cấp nước nuôi trồng thủy sản theo m3			-		
1	Đơm điện	840		-		
2	Hồ đập, kênh cống	600		-		
VI	Tưới cây ăn quả	1,448,800		-		

KIỂM T B C